

ĐỀ CHÍNH THỨC

(Đề thi gồm 01 trang)

Môn thi: Toán

Ngày thi: 25 tháng 4 năm 2018

Thời gian làm bài: 90 phút

Bài I (2,0 điểm)

Cho biểu thức:  $P = \frac{1}{x-2\sqrt{x}} - \frac{2}{x-4}$  với  $x \neq 4, x > 0$ .

1/ Rút gọn biểu thức P.

2/ Chứng minh rằng  $P < 0$  với mọi  $x \neq 4, x > 0$ .

3/ Tìm những giá trị của  $x$  để  $P = \frac{-1}{15}$ .

Bài II (2,0 điểm) Giải bài toán sau bằng cách lập phương trình hoặc hệ phương trình:

Một người đi ô tô từ A đến B cách nhau 90km. Khi đi từ B trở về A người đó tăng tốc độ 5km/h so với tốc độ lúc đi, vì vậy thời gian về ít hơn thời gian đi là 15 phút. Tính tốc độ của ô tô lúc đi từ A đến B.

Bài III (2,0 điểm)

1) Giải hệ phương trình 
$$\begin{cases} \frac{108}{x} - \frac{63}{y} = 7 \\ \frac{81}{x} - \frac{84}{y} = 7 \end{cases}$$

2) Cho đường thẳng (d):  $y = \frac{-1}{2}x + 2$  và Parabol (P):  $y = \frac{1}{4}x^2$  trên hệ trục tọa độ Oxy.

a/ Vẽ parabol (P) và đường thẳng (d) đã cho.

b/ Gọi A, B là hai giao điểm của (d) và (P). Tìm điểm N trên trục hoành sao cho tam giác NAB cân tại N.

Bài IV (3,5 điểm)

Cho đường tròn (O, R) và dây BC cố định,  $BC = R\sqrt{3}$ . A là điểm di động trên cung lớn BC (A khác B, C) sao cho tam giác ABC nhọn. Các đường cao BD và CE của tam giác ABC cắt nhau tại điểm H. Kẻ đường kính AF của đường tròn (O), AF cắt BC tại điểm N.

a/ Chứng minh tứ giác BEDC là tứ giác nội tiếp.

b/ Chứng minh  $AE \cdot AB = AD \cdot AC$ .

c/ Chứng minh tứ giác BHCF là hình bình hành.

d/ Đường tròn ngoại tiếp tam giác ADE cắt đường tròn (O) tại điểm thứ hai K (K khác O).

Chứng minh ba điểm K, H, F thẳng hàng.

Bài V (0,5 điểm)

Cho hai số thực m và n khác 0 thỏa mãn  $\frac{1}{m} + \frac{1}{n} = \frac{1}{2}$ . Chứng minh rằng trong hai phương trình  $x^2 + mx + n = 0$  và  $x^2 + nx + m = 0$  có ít nhất một phương trình có nghiệm.

..... Hết .....

Lưu ý: Giám thị không giải thích gì thêm.

Họ và tên thí sinh: .....

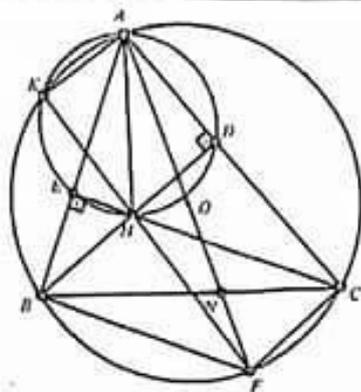
Chữ kí của giám thị 1: .....

Số báo danh: .....

Chữ kí của giám thị 2: .....

BÀI	Ý	HƯỚNG DẪN CHẤM	DIỂM
I		Cho biểu thức $P = \frac{1}{x-2\sqrt{x}} - \frac{2}{x-4}$ với mọi $x \neq 4, x > 0$	
	a) (0,75 điểm)	Rút gọn biểu thức P	
		$P = \frac{1}{\sqrt{x}(\sqrt{x}-2)} - \frac{2}{(\sqrt{x}-2)(\sqrt{x}+2)}$	0,25
		$P = \frac{(\sqrt{x}+2)}{\sqrt{x}(\sqrt{x}-2)(\sqrt{x}+2)} - \frac{2\sqrt{x}}{\sqrt{x}(\sqrt{x}-2)(\sqrt{x}+2)}$	0,25
		Thu gọn ta được $P = \frac{-1}{\sqrt{x}(\sqrt{x}+2)}$	0,25
	b) (0,75 điểm)	Chứng minh rằng $P < 0$ với mọi $x \neq 4, x > 0$	
		Với mọi $x \neq 4, x > 0$ ta có $\left. \begin{array}{l} \sqrt{x} > 0 \\ \sqrt{x} + 2 > 0 \end{array} \right\} \Rightarrow \sqrt{x}(\sqrt{x} + 2) > 0$	0,25
		Mà $-1 < 0$ nên $P = \frac{-1}{\sqrt{x}(\sqrt{x}+2)} < 0$ với mọi $x \neq 4, x > 0$	0,5
	c) (0,5 điểm)	Tìm những giá trị của x để $P = \frac{-1}{15}$	
		Thay $P = \frac{-1}{\sqrt{x}(\sqrt{x}+2)}$ vào $P = \frac{-1}{15} \Rightarrow \frac{-1}{\sqrt{x}(\sqrt{x}+2)} = \frac{-1}{15}$	0,25
		Tính được $x = 9$ (kết hợp điều kiện thỏa mãn) Vậy $x = 9$ để $P = \frac{-1}{15}$	0,25
II	2 điểm		
		Gọi vận tốc của ô tô lúc đi từ A đến B là x (km/h), $x > 0$	0,25
		Vận tốc của ô tô đi từ B trở về A là $x + 5$ (km/h)	0,25
		Thời gian ô tô đi từ A đến B là $\frac{90}{x}$ (h)	0,25
		Thời gian ô tô đi từ B trở về A là $\frac{90}{x+5}$ (h)	0,25
		Đổi $15p = \frac{1}{4}h$ . Thời gian về ít hơn thời gian đi là 15 phút nên ta được	0,25

		phương trình: $\frac{90}{x} - \frac{90}{x+5} = \frac{1}{4}$	
		Giải phương trình ta được $x = 40$ (thỏa mãn điều kiện)	0,5
		Vận tốc của ô tô lúc đi từ A đến B là 40km/h	0,25
III	2 điểm		
	1 (1 điểm)	Giải hệ phương trình: $\begin{cases} \frac{108}{x} - \frac{63}{y} = 7 \\ \frac{81}{x} - \frac{84}{y} = 7 \end{cases}$	
		Điều kiện xác định: $x, y \neq 0$	0,25
		Đặt $\begin{cases} \frac{1}{x} = u \\ \frac{1}{y} = v \end{cases}$ ta thu được hệ phương trình $\begin{cases} 108u - 63v = 7 \\ 81u - 84v = 7 \end{cases}$	0,25
		Giải hệ ta được $u = \frac{1}{27}; v = \frac{-1}{21}$	0,25
		Từ đó suy ra được $x = 27; y = -21$	0,25
2	a) (0,5 điểm)	Cho đường thẳng (d): $y = \frac{-1}{2}x + 2$ và Parabol (P): $y = \frac{1}{4}x^2$ trên hệ trục tọa độ Oxy.	
		Vẽ parabol (P) và đường thẳng (d) đã cho.	0,5
		Học sinh tự vẽ	0,5
b) (0,5 điểm)		Gọi A, B là hai giao điểm của (d) và (P). Tìm điểm N trên trục hoành sao cho tam giác NAB cân tại N.	
		Lập phương trình hoành độ giao điểm của (d) và (P) là: $\frac{1}{4}x^2 = -\frac{1}{2}x + 2$	
		Giải phương trình trên ta được $\begin{cases} x = 2 \\ x = -4 \end{cases}$ Thu được A(2;-1), B(-4;4) là hai giao điểm của (d) và (P)	0,25
		Điểm N nằm trên trục hoành có tọa độ $N(a;0)$ Tam giác NAB cân tại N nên ta có $\begin{cases} NA = NB \\ N \notin AB \end{cases}$ $\Leftrightarrow \begin{cases} \sqrt{(a-2)^2 + 1} = \sqrt{(a+4)^2 + 4^2} \\ -\frac{1}{2}a + 2 \neq 0 \end{cases}$ Giải ra được $a = -\frac{9}{4}$ Vậy tọa độ điểm $N\left(-\frac{9}{4}; 0\right)$	0,25
IV	3,5 điểm		
	a	Chứng minh tứ giác BEDC là tứ giác nội tiếp.	1,0



Vẽ hình đúng	0,25
Tứ giác BEDC có $\widehat{BEC} = \widehat{BDC} = 90^\circ$	0,75
Suy ra tứ giác BEDC nội tiếp ( hai góc kề bằng nhau cùng chắn cung BC)	

b	Chứng minh $AE \cdot AB = AD \cdot AC$ .	1,0
	hai tam giác $\triangle AED \sim \triangle ACB$ (g-g) vì có $\widehat{A}$ chung và $\widehat{AED} = \widehat{ACB}$ (cùng bù $\widehat{BED}$ )	0,5
	Vì $\triangle AED \sim \triangle ACB \Rightarrow \frac{AE}{AD} = \frac{AC}{AB}$	0,25
	Suy ra $AE \cdot AB = AD \cdot AC$ .	0,25

c	Chứng minh tứ giác BHCF là hình bình hành	1,0
	Ta có $\widehat{BDC} = \widehat{ACF} = 90^\circ \Rightarrow CF \parallel BD$ hay $CF \parallel BH$ (1)	0,25
	Ta có $\widehat{ABF} = \widehat{AEC} = 90^\circ \Rightarrow BF \parallel CE$ hay $BF \parallel CH$ (2)	0,25
	Từ (1) và (2) suy ra tứ giác BHCF là hình bình hành.	0,5

d	Chứng minh ba điểm K, H, F thẳng hàng.	0,5
	Tứ giác ADHE nội tiếp đường tròn đường kính AH $\Rightarrow \widehat{AKH} = 90^\circ$ (1) Mà tam giác AKF nội tiếp đường tròn đường kính AF $\Rightarrow \widehat{AKF} = 90^\circ$ (2) Từ (1) và (2) suy ra 3 điểm K, H, F thẳng hàng.	0,5

V	0,5 điểm	Cho hai số thực m và n khác 0 thỏa mãn $\frac{1}{m} + \frac{1}{n} = \frac{1}{2}$ . Chứng minh rằng trong hai phương trình $x^2 + mx + n = 0$ và $x^2 + nx + m = 0$ có ít nhất một phương trình có nghiệm.	
		Với $m, n \neq 0$ $\frac{1}{m} + \frac{1}{n} = \frac{1}{2} \Rightarrow mn = 2(m+n)$ Phương trình $x^2 + mx + n = 0$ (1) có $\Delta_1 = m^2 - 4n$ Phương trình $x^2 + nx + m = 0$ (2) có $\Delta_2 = n^2 - 4m$	0,25
		$\Delta_1 + \Delta_2 = m^2 + n^2 - 4(m+n) \geq 2mn - 4(m+n)$ (theo BĐT cô si) $\Delta_1 + \Delta_2 \geq 4(m+n) - 4(m+n) = 0$ Vậy 2 phương trình đã cho có ít nhất một phương trình có nghiệm.	0,25

**Chú ý khi chấm:**

- 1) Thí sinh có cách giải khác mà đúng thì giám khảo thống nhất chia điểm dựa vào hướng dẫn chấm cho ý đó.
- 2) Bài IV: học sinh không có hình vẽ tương ứng thì không cho điểm.
- 3) Vận dụng hướng dẫn chấm chi tiết đến 0,25. Không làm tròn điểm bài thi.